

PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THÁNG 10 NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-PVHCC ngày tháng 11 năm 2023 của Trung tâm Phục vụ hành chính công)

STT	TÊN CƠ QUAN	TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ					TÌNH HÌNH TRẢ KẾT QUẢ VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ									SỬ DỤNG DỊCH VỤ BCCI			
		Tổng số HSTN trong kỳ	Trong đó				Tổng số HS phải giải quyết	HS kỳ trước chuyển qua	Tổng số HS đã GQ & TKQ	Trong đó						Tổng số hồ sơ	Trong đó		Đạt %
			HSTN trực tiếp	Đạt %	HSTN trực tuyến	Đạt %				TKQ trước hạn	Đạt %	TKQ đúng hạn	Đạt %	Hồ sơ trễ hạn	Đạt %		Tiếp nhận	Trả kết quả	
1	Bảo hiểm Xã hội	2.959	645	21,8	2.314	78,2	3.279	320	3.329	0	0	3.329	100	0	0	1.988	41	1.947	60,63
2	Ban Quản lý các KCN	4	1	25	3	75	6	2	7	7	100	0	0	0	0	3	0	3	50
3	Công an tỉnh	499	499	100	0	0	521	22	521	28	5,37	493	94,63	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	2.206	0	0	2.206	100	2.229	23	2.229	2.229	100	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Sở Công Thương	2.772	18	0,65	2.754	99,35	3.102	330	2.872	16	0,56	2.856	99,44	0	0	16	13	3	0,52
6	Sở Du lịch	7	0	0	7	100	11	4	10	10	100	0	0	0	0	10	0	10	90,91
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	69	0	0	69	100	104	35	54	53	98,15	1	1,85	0	0	34	0	34	32,69
8	Sở Giao thông vận tải	2.276	2.276	100	0	0	2.332	56	2.201	2.136	97,05	65	2,95	0	0	510	0	510	21,87
9	Sở Khoa học và CN	6	0	0	6	100	6	0	2	2	100	0	0	0	0	4	2	2	66,67
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	425	398	93,65	27	6,35	485	60	420	420	100	0	0	0	0	243	1	242	50,1
11	Sở Lao động - TBXH	152	0	0	152	100	179	27	134	134	100	0	0	0	0	24	0	24	13,41
12	Sở Nông nghiệp và PTNT	52	6	11,54	46	88,46	70	18	37	37	100	0	0	0	0	27	0	27	38,57
13	Sở Nội vụ	9	0	0	9	100	11	2	11	11	100	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Sở Tài chính	3	1	33,33	2	66,67	4	1	3	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Sở Tài nguyên và MT	92	82	89,13	10	10,87	153	61	78	77	98,72	0	0	1	1,28	0	0	0	0
16	Sở Tư pháp	888	292	32,88	596	67,12	1.393	505	712	711	100	1	0	0	0	605	46	559	43,4
17	Sở Thông tin và TT	26	0	0	26	100	28	2	23	23	100	0	0	0	0	2	0	2	7,14
18	Sở Văn hóa Thể thao	21	0	0	21	100	25	4	21	21	100	0	0	0	0	6	0	6	24
19	Sở Xây dựng	172	0	0	172	100	183	11	42	42	100	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Sở Y tế	128	0	0	128	100	202	74	87	87	100	0	0	0	0	0	0	0	0
21	VP UBND Tỉnh	3	3	100	0	0	4	1	3	1	33	2	67	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		12.769	4.221	33,06	8.548	66,94	14.327	1.558	12.796	6.048	47,26	6.747	52,73	1	0,01	3.472	103	3.369	24,23

Ghi chú: Số lượng hồ sơ tiếp nhận chưa bao gồm:

- Công an tỉnh tiếp nhận 499 hồ sơ trực tuyến, Sở KHĐT tiếp nhận hồ sơ trực tuyến mức độ 4: 398 hồ sơ (do chưa hoàn thiện giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Công dịch vụ công của tỉnh với phần mềm chuyên ngành của Bộ Công an, Bộ KHĐT, nên ảnh hưởng đến kết quả thống kê tiếp nhận trực tuyến trên công dịch vụ công của tỉnh)

- Sở Nội vụ tiếp nhận 09 hồ sơ trực tuyến, trong đó trực tiếp thẩm định: 27 hồ sơ tập thể, 23 hồ sơ cá nhân